

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 8 - 2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phan Thúy Nguyên

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Ông Nguyễn Việt Thành

2/ Ông Lý Thanh Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số A, KV T, P.T, Q . B, TP .. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số A B, KV3, P.B, TP . Thơ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H do mai một và tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khi bà H sinh con thì cha mẹ ruột bà H kêu bà H về nhà cha mẹ ruột ở, do gia đình ông Đ lúc bấy giờ khó khăn về kinh tế. Từ đó ông và bà H ly thân đến nay khoảng trên 30 năm. Thời gian đầu khi con còn nhỏ thì ông có tới lui thăm nom nhưng sau này con lớn thì ông không

đến thăm nom nữa và hiện tại ông đã có vợ. Vì vậy, mục đích hôn nhân không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H. Về con chung, giữa ông với bà H có 01 con chung tên Huỳnh Thị L, sinh ngày 10/7/1988 (đã trưởng thành) không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị H thể hiện: Về hôn nhân, giữa bà và ông Đ mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà thống nhất ly hôn. Về con chung, giữa ông với bà có 01 con chung tên Huỳnh Thị L, sinh ngày 10/7/1988 (đã trưởng thành) không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Do bà bị bệnh nên bà có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh Hậu Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Trong quá trình chung sống do xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn và đã ly thân trên 30 năm nên ông Đ có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt bà nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Ông Đ, bà H do mai mối, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 1986. Xét lời trình bày của ông Đ là do gia đình ông Đ lúc bấy giờ khó khăn về kinh tế nên cha mẹ ruột bà H kêu bà H về nhà cha mẹ ruột ở, từ đó ông và bà H ly thân đến nay (trên 30 năm), hiện tại ông Đ đã có vợ khác.

Đồng thời tại bản tự khai bà H cũng thể hiện vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn và thống nhất ly hôn. Điều này chứng tỏ giữa ông Đ và bà H mục đích hôn nhân không còn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh

Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: ông Đ và bà H có 01 người con chung tên Huỳnh Thị L, sinh ngày 10/7/1988 (đã trưởng thành) không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: ông Đ trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, điều này phù hợp tại bản tự khai của bà H. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác (nếu có yêu cầu).

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai thu số 0002124 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành dân sự quận B, thành phố Cần Thơ, thành án phí phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Huỳnh Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị H

[2] Về con chung: có một người con chung tên Huỳnh Thị L, sinh ngày 10/7/1988 (đã trưởng thành) không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác (nếu có yêu cầu).

[4] Về án phí sơ thẩm: 300. 000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai thu số 0002124 ngày

17/4/2023 của Chi cục Thi hành dân sự quận B, thành phố Cần Thơ, thành án phí phải chịu.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thúy Nguyên